

Nguyễn Úy, ngày 29 tháng 5 năm 2026

CÔNG KHAI

Theo Thông tư số 09/TT/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm học 2025 - 2026

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: Trường Mầm non Nguyễn Úy

Tên trước đây (nếu có): Trường mầm non xã Nguyễn Úy

2. Địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố Phù Lưu 1, phường Nguyễn Úy, tỉnh Ninh Bình

3. Điện thoại: 0

Email: nguyenuyc0kb@hanam.edu.vn

Website: mnnguyenuy.ninhbinh.edu.vn

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Úy

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường

a. Sứ mạng:

Tạo môi trường giáo dục an toàn, tràn đầy tình yêu thương; mỗi trẻ đều được chăm sóc chu đáo, được tôn trọng, được vui vẻ thể hiện bản thân.

Tạo dựng đội ngũ giáo viên có đạo đức, giỏi chuyên môn - là người giữ trọng trách hướng dẫn, khuyến khích, thúc đẩy khả năng khám phá của trẻ; giúp trẻ hình thành tính cách tự lập, có bản lĩnh, suy nghĩ độc lập và biết cách ứng xử trong xã hội.

Luôn tạo dựng và gắn kết với phụ huynh mà ở đó gia đình sẽ đóng vai trò hỗ trợ đắc lực giúp giáo viên phát triển tối đa tiềm năng của trẻ..

b. Tầm nhìn:

Xây dựng trường mầm non Nguyễn Úy, lấy trẻ em làm trung tâm nâng cao chất lượng giáo dục, phù hợp yêu cầu đổi mới của địa phương.

Xây dựng nhà trường đạt chuẩn về việc chăm sóc giáo dục và phát triển tối đa những tố chất thông minh của trẻ ngay từ nhỏ.

Khuyến khích trí tò mò tìm hiểu thế giới xung quanh của trẻ sẽ giúp các con tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên, giúp các con có khả năng tư duy độc lập, phát triển về kiến thức lẫn nhân cách một cách toàn diện, đáp ứng nhu cầu và mong đợi ngày càng nâng cao của đông đảo phụ huynh trong và ngoài địa bàn, là sự lựa chọn đầu tiên cho các bậc cha mẹ có con trong độ tuổi mầm non.

c. Mục tiêu:

Xây dựng môi trường giáo dục hiện đại trong đó đề cao sự phát triển cá

tính và năng khiếu riêng biệt của trẻ.

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, phù hợp với yêu cầu đổi mới và hội nhập

Giúp trẻ em phát triển về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ những chức năng tâm lý năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn đặt nền tảng cho việc học tập ở cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

Tiếp tục duy trì, nâng chất lượng phổ cập giáo dục mầm cho trẻ em 5 tuổi, hướng đến phổ cập trẻ 3 - 4 tuổi trong những năm tiếp theo. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ đạt hiệu quả cao.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

Trường MN Nguyễn Úy tọa lạc tại đường ĐH 09, phường Nguyễn Úy, tỉnh Ninh Bình.

Trường được thành lập ngày 05/10/1996 thuộc loại trường mầm non dân lập; Quyết định số 149/QĐ-UBND ngày 19/01/2012 của UBND tỉnh Hà Nam chuyển đổi sang trường mầm non Công lập;

Có 1 điểm trường tại tổ dân phố Phù Lưu 1, xã Nguyễn Úy, tỉnh Hà Nam.

Trường có diện tích 6288 m², 17 phòng học, 6 phòng chức năng, 4 phòng hành chính, 01 bếp, được trang bị đầy đủ ĐDDC, thiết bị cần thiết phục vụ cho công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Đến 26/12/2024, UBND huyện Kim Bảng ra Quyết định số 6029/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2024 về việc điều chỉnh tên gọi các cơ sở giáo dục Mầm non thuộc huyện từ trường mầm non xã Nguyễn Úy thành trường mầm non Nguyễn Úy. Tháng 7 năm 2025 trường trực thuộc Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Úy trên cơ sở tổ chức lại.

Trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 theo Quyết định số 1540/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam, đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3 theo QĐ số 686/QĐ-SGDĐT ngày 11/8/2022 của Giám đốc Sở GDĐT tỉnh Hà Nam.

Trường đạt chuẩn thư viện mức độ 2 theo Quyết định số 247/QĐ-PGDĐT ngày 22/5/2025 của Trưởng phòng Giáo dục Đào tạo thị xã Kim Bảng.

Cuối năm học 2025 - 2026, trường có 433 trẻ/17 nhóm, lớp, 100% trẻ được tổ chức ăn bán trú tại trường với 05 nhóm nhà trẻ/120 trẻ và 12 lớp mẫu giáo/313 trẻ. Đội ngũ CBQL, GV, NV, người lao động gồm 46 người (01 HT, 02 PHT, 38 GV, 01 NV kế toán, 01 NV văn thư, 02 NV nấu ăn, 01 NV bảo vệ).

Đội ngũ CBQL, GV, NV có tư cách đạo đức tốt, phẩm chất chính trị vững vàng, nhiệt tình, năng động, sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động ND, CS, GD trẻ. Thế mạnh của nhà trường là có trên 71% giáo viên đạt trình độ trên chuẩn NV văn thư có chứng chỉ, NV kế toán có trình độ cao đẳng; NV nấu ăn đều được bồi dưỡng hằng năm về nghiệp vụ theo quy định.

Bên cạnh đó, tập thể sư phạm nhà trường luôn đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau vươn lên trong công tác, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Từ năm 2023 đến năm 2025, Trường MN Nguyễn Úy luôn đạt nhiều thành tích xuất sắc trong công tác ND, CS, GD trẻ và luôn được công nhận là tập thể “Lao động xuất sắc”, cụ thể năm học 2024-2025, nhà trường đạt Cờ thi đua, Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam cũ vì đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 02 năm liên tục (2023 -2024 và 2024 - 2025) theo Quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của UBND tỉnh Hà Nam cũ).

Chi bộ liên tục đạt Hoàn thành tốt nhiệm vụ. Nhà trường nhận được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền địa phương, sự kết hợp chặt chẽ của Ban đại diện CMT trong công tác ND, CS, GD trẻ.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc;

Họ và tên: Nguyễn Thị Hiền

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường MN Nguyễn Úy

Điện thoại: 0986453263

Email: hienhn1980@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a, Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục.

Quyết định số 6029/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2024 về việc điều chỉnh tên gọi các cơ sở giáo dục Mầm non thuộc huyện từ trường mầm non xã Nguyễn Úy thành trường mầm non Nguyễn Úy. Tháng 7 năm 2025 trường trực thuộc Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Úy trên cơ sở tổ chức lại.

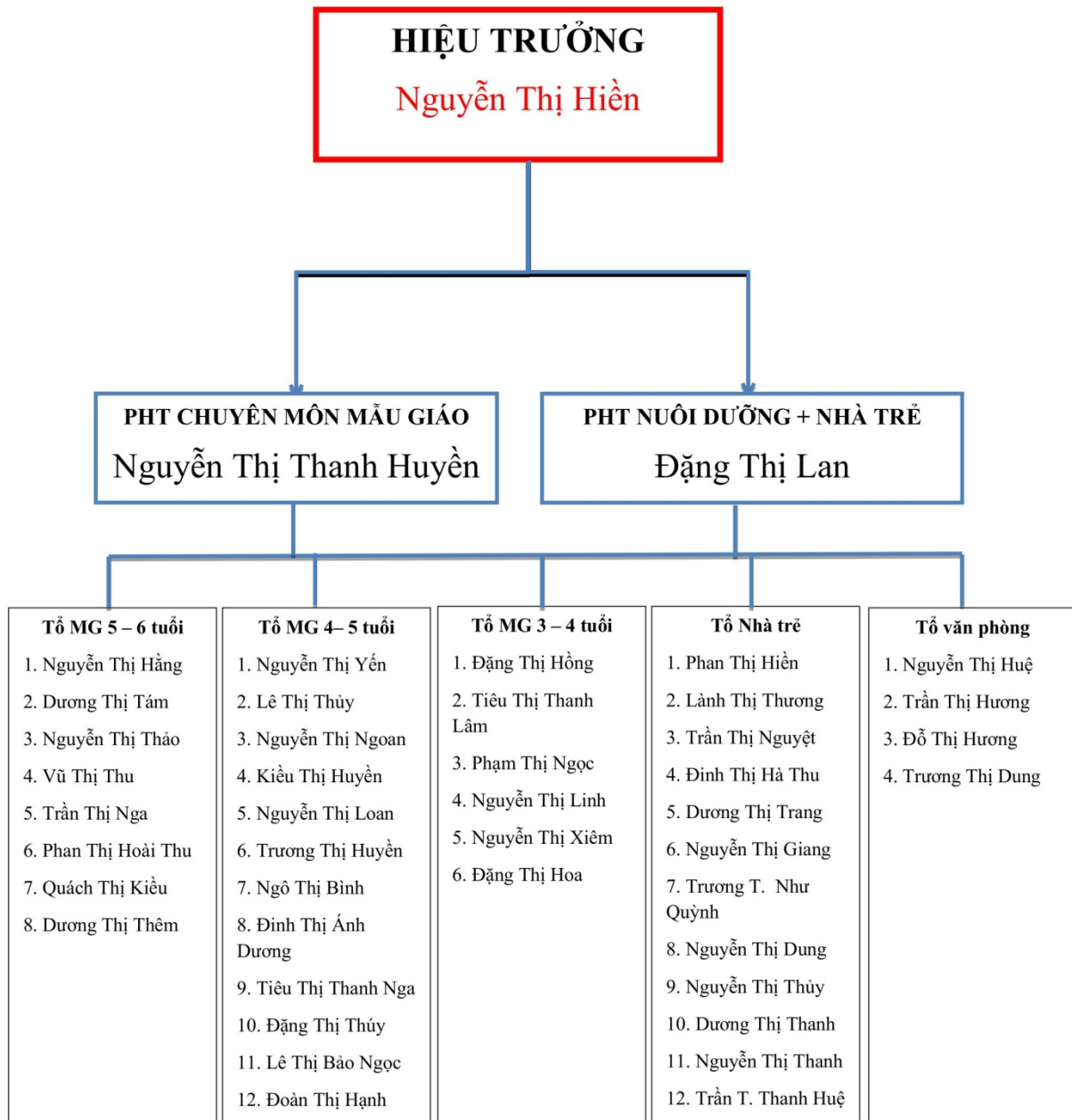
b, Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

Quyết định số 589/QĐ-UBND ngày 01/8/2025 của UBND phường Nguyễn Úy về việc tiếp nhận và bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng Trường Mầm non Nguyễn Úy, phường Nguyễn Úy đối với bà Nguyễn Thị Hiền;

Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 01/8/2025 của UBND phường Nguyễn Úy về việc tiếp nhận và bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Mầm non Nguyễn Úy, phường Nguyễn Úy đối với bà Nguyễn Thị Thanh Huyền;

Quyết định số 591/QĐ-UBND ngày 01/8/2025 của UBND phường Nguyễn Úy về việc tiếp nhận và bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Mầm non Nguyễn Úy, phường Nguyễn Úy đối với bà Đặng Thị Lan;

c, Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục



d, Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục

Họ và tên: Nguyễn Thị Hiền

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường MN Nguyễn Úy

Điện thoại: 0986453263

Email: hienhn1980@gmail.com

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

a. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo.

| TT | Nội dung | Tổng số | Trình độ đào tạo | | | | Hạng chức danh | | | |
|------------|-----------------------|---------|------------------|----|----|-----------|----------------|---------|----------|---------|
| | | | ĐH | CD | TC | Chứng chỉ | Hạng I | Hạng II | Hạng III | Hạng IV |
| | Tổng số CBQL, GV, NV | 46 | 32 | 9 | 1 | 3 | | | 36 | 1 |
| I | Cán bộ quản lý | 3 | 3 | | | | | | 3 | |
| 1 | Hiệu trưởng | 1 | 1 | | | | | | 1 | |
| 2 | Phó hiệu trưởng | 2 | 2 | | | | | | 2 | |
| II | Giáo viên | 38 | 29 | | | | | | 33 | 1 |
| 1 | Nhà trẻ | 12 | 7 | 5 | 1 | | | | 9 | 1 |
| 2 | Mẫu giáo | 25 | 22 | 3 | | | | | 25 | |
| III | Nhân viên | 5 | | | | | | | | |
| 1 | Nhân viên kế toán | 1 | | 1 | | | | | | |
| 2 | Nhân viên văn thư | 1 | | | | 1 | | | | |
| 3 | Nhân viên nuôi dưỡng | 2 | | | | 2 | | | | |
| 4 | Bảo vệ | 1 | | | | 0 | | | | |

b. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

| STT | Nội dung | Năm học 2025 - 2026 (Thời điểm tháng 5/2026) | | | | | | | | |
|-----------|-----------------------|--|--|-------|-----|-------|--|--|-----|-------|
| | | Tổng số | Xếp loại chuẩn nghề nghiệp (Cấp trên ĐG) | | | | | | Đạt | Tỷ lệ |
| | | | Tốt | Tỷ lệ | Khá | Tỷ lệ | | | | |
| I | Cán bộ quản lý | 3 | 3 | 100 | | | | | | |
| 1 | Hiệu trưởng | 1 | 1 | 100 | | | | | | |
| 2 | Phó hiệu trưởng | 2 | 2 | 100 | | | | | | |
| II | Giáo viên | 35 | 33 | 94,3% | 2 | 5,7% | | | | |
| 1 | Nhà trẻ | 10 | 8 | 80% | 2 | 20% | | | | |

| | | | | | | | | |
|---|----------|----|----|------|---|---|--|--|
| 2 | Mẫu giáo | 25 | 25 | 100% | 0 | 0 | | |
|---|----------|----|----|------|---|---|--|--|

c. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

| | | Năm học 2025 - 2026 (Thời điểm tháng 5/2026) | | | | | | |
|-----------|-----------------------|--|--------------|--------------|------------|-------------|------------------|-------|
| STT | Nội dung | Tổng số | Kết quả BDTX | | | | | |
| | | | Số tham gia | Số được miễn | Hoàn thành | Tỷ lệ | Không hoàn thành | Tỷ lệ |
| I | Cán bộ quản lý | 3 | 3 | 0 | 3 | 100% | 0 | |
| 1 | Hiệu trưởng | 1 | 1 | 0 | 1 | 100% | | |
| 2 | Phó hiệu trưởng | 2 | 2 | 0 | 2 | 100% | | |
| II | Giáo viên | 37 | 37 | 0 | 37 | 100% | 0 | |
| 1 | Nhà trẻ | 12 | 12 | | 12 | 100% | | |
| 2 | Mẫu giáo | 25 | 25 | | 25 | 100% | | |

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Thông tin về cơ sở vật chất năm học

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

Trường có tổng diện tích sàn xây dựng của nhà trường là 6288m² tỷ lệ bình quân đảm bảo theo quy định. Trường có 01 cổng chính và 02 cổng phụ, cổng chính có biển tên trường đúng theo quy định, được thiết kế đẹp, dễ quan sát, biển tên trường có tên đơn vị chủ quản, khuôn viên trường có hàng rào bao quanh, luôn được quét dọn hằng ngày nên đảm bảo sạch sẽ, thân thiện và an toàn cho trẻ.

Nhà trường có sân chơi, hành lang của nhóm, lớp; tổng diện tích sân chơi dành cho trẻ là 1674m², sân chơi có bố trí đồ chơi cho trẻ, có khu vui chơi cát nước, chợ quê, vườn cổ tích, các đồ chơi ngoài trời, có cây xanh che bóng mát, có các đồ chơi cho trẻ tham gia hoạt động phát triển thể chất, phát triển kỹ năng. Diện tích hành lang bình quân của mỗi nhóm, lớp có hành lang trước rộng 493m², có hàng rào bằng Inox bao quanh cao 1,2m đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ khi trẻ hoạt động vui chơi.

Cụ thể:

| STT | Nội dung | Năm học 2025 - 2026 (Thời điểm tháng 9/2025) | | Năm học 2025 - 2026 (Thời điểm tháng 5/2026) | |
|-----|----------|---|------------------------|---|------------------------|
| | | Số lượng | Bình quân (407 trẻ) | Số lượng | Bình quân (433 trẻ) |

| | | | | | |
|-------------|--|-----------------------------------|--|-----------------------------------|--|
| I | Tổng số phòng | 17 | | 17 | |
| II | Loại phòng học | 17 | | 17 | |
| 1 | Phòng học kiên cố | 17 | | 17 | |
| 2 | Phòng học bán kiên cố | 0 | | 0 | |
| 3 | Phòng học tạm | 0 | | 0 | |
| 4 | Phòng học nhờ | 0 | | 0 | |
| III | Số điểm trường | 01 | | 01 | |
| IV | Tổng diện tích đất toàn trường (m²) | 6288 m ² | 13,5 m ² | 6288 m ² | 14,5 m ² |
| V | Tổng diện tích sân chơi (m²) | 1674 m ² | 4,1 m ² | 1674 m ² | 3,8 m ² |
| VI | Tổng diện tích một số loại phòng | 1.152 m ² | | 1.152 m ² | |
| 1 | Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²) | 935 m ² | 2,3 m ² /trẻ | 935 m ² | 2,2 m ² /trẻ |
| 2 | Diện tích phòng ngủ (m ²) | 0 | | 0 | |
| 3 | Diện tích phòng vệ sinh (m ²) | 238 m ² | 0,6 m ² | 238 m ² | 0,5m ² |
| 4 | Diện tích hiên chơi (m ²) | 493 m ² | 2,1 m ² | 493 m ² | 1,1 m ² |
| 5 | <i>Diện tích phòng giáo dục thể chất (m²)</i> | | | | |
| 6 | <i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m²)</i> | 70 m ² | 0,2 m ² | 70 m ² | 0,2 m ² |
| 7 | Diện tích nhà bếp và kho (m ²) | 60 m ² | | 60 m ² | |
| VII | Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ) | 17 | 1 bộ/nhóm (lớp) | 17 | 1 bộ/nhóm (lớp) |
| 1 | Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định | 17 | | 17 | |
| 2 | Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định | 0 | | 0 | |
| VIII | Tổng số đồ chơi ngoài trời | 15 | 1 bộ/sân chơi (trường) | 15 | 1 bộ/sân chơi (trường) |
| IX | Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...) | 6 máy tính, 1 máy chiếu, 17 ti vi | Máy vi tính, máy chiếu, ti vi kết nối internet | 6 máy tính, 1 máy chiếu, 17 ti vi | Máy vi tính, máy chiếu, ti vi kết nối internet |
| X | Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định) | | | | |

| XI | Nhà vệ sinh | Năm học 2025 - 2026 (Thời điểm tháng 9/2025) | | | | Năm học 2025 - 2026 (Thời điểm tháng 5/2026) | | | |
|-----------|--------------------|---|-------------------|----------------------------|--------------------|---|---------------------------|----------------------------|------|
| | | Số lượng (m ²) | | Số lượng (m ²) | | Số lượng (m ²) | | Số lượng (m ²) | |
| | | Dùng cho giáo viên | Dùng cho học sinh | Số m ² /trẻ em | Dùng cho giáo viên | Dùng cho học sinh | Số m ² /trẻ em | | |
| | | Chung | Nam/ | Chung | Nam/ | Chung | Nam/ | Chung | Nam/ |

| | | | | | | | | | | | |
|---|-------------------------|---|---|----|---|--------------------|---|---|----|---|--------------------|
| | | | | Nữ | | Nữ | | | Nữ | | Nữ |
| 1 | Đạt chuẩn vệ sinh* | 3 | 0 | 17 | 0 | 0,6 m ² | 3 | 0 | 17 | 0 | 0,5 m ² |
| 2 | Chưa đạt chuẩn vệ sinh* | 0 | | | | | | | | | |

** (Theo Thông tư số 52/2020/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ Trường mầm non và thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)*

| | | Năm học 2024 - 2025 | | Năm học 2025 - 2026 | |
|-------------|---|---------------------|-------|---------------------|-------|
| | | Có | Không | Có | Không |
| XII | Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh | x | | x | |
| XIII | Nguồn điện (lưới, phát điện riêng) | x | | x | |
| XIV | Kết nối internet | x | | x | |
| XV | Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục | x | | x | |
| XVI | Tường rào xây | x | | x | |
| .. | | | | | |

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở, kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

- Kết quả tự đánh giá:

+ Trường mầm non Nguyễn Úy tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3, đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2.

+ Kế hoạch tự đánh giá (Kế hoạch số 122/KH-MNNU ngày 12/10/2024)

+ Kế hoạch tự đánh giá (Kế hoạch số 96/KH-MNNU ngày 30/09/2025)

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm

- Nhà trường đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3 theo QĐ số 686/QĐ-SGDĐT ngày 11/8/2022 của Giám đốc Sở GDĐT tỉnh Hà Nam.

- Trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 theo Quyết định số 1540/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kế hoạch hoạt động của cơ sở giáo dục trong năm học:

- Kế hoạch hoạt động tuyển sinh
- Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục (Kế hoạch số 22/KH-MNNU ngày 18/9/2025).

- Thực đơn hàng ngày của trẻ.

1. Kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước:

| STT | Nội dung | Năm học 2024-2025 (thời điểm tháng 5/2025) | | | | | | Năm học 2025-2026 (thời điểm tháng 5/2026) | | | | | | | |
|------------|--|---|-----------------|------------------|------------------|------------|------------|---|----------------|-----------------|------------------|------------------|----------|----------|----------|
| | | Tổng số trẻ em | Nhà trẻ | | | Mẫu giáo | | | Tổng số trẻ em | Nhà trẻ | | | Mẫu giáo | | |
| | | | 3-12 tháng tuổi | 13-24 tháng tuổi | 25-36 tháng tuổi | 3-4 tuổi | 4-5 tuổi | 5-6 tuổi | | 3-12 tháng tuổi | 13-24 tháng tuổi | 25-36 tháng tuổi | 3-4 tuổi | 4-5 tuổi | 5-6 tuổi |
| I | Tổng số trẻ em | 465 | | | 104 | 115 | 108 | 138 | 433 | | | 100 | 78 | 120 | 115 |
| 1 | Số trẻ em nhóm ghép | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Số trẻ em học 1 buổi/ngày | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Số trẻ em học 2 buổi/ngày | 465 | | | 104 | 115 | 108 | 138 | 433 | | | 100 | 78 | 120 | 115 |
| 4 | Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập | 1 | | | | | 1 | | 2 | | | | 1 | 1 | |
| II | Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú | 465 | | | 104 | 115 | 108 | 138 | 433 | | | 100 | 78 | 120 | 115 |
| III | Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe | 465 | | | 104 | 115 | 108 | 138 | 433 | | | 100 | 78 | 120 | 115 |
| IV | Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng | 465 | | | 104 | 115 | 108 | 138 | 433 | | | 100 | 78 | 120 | 115 |
| V | Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Số trẻ cân nặng | 416 | | | 104 | 115 | 108 | 138 | 430 | | | 120 | 77 | 118 | 115 |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|-----------|---|------------|--|--|-----|-----|-----|-----|------------|--|--|-----|----|-----|-----|
| | <i>bình thường</i> | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | <i>Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân</i> | 4 | | | 0 | 3 | 1 | 0 | 3 | | | 0 | 1 | 2 | 0 |
| 3 | <i>Số trẻ có chiều cao bình thường</i> | 461 | | | 104 | 112 | 107 | 138 | 427 | | | 120 | 76 | 116 | 115 |
| 4 | <i>Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi</i> | 5 | | | 1 | 4 | 0 | 0 | 6 | | | 0 | 2 | 4 | 0 |
| 5 | <i>Số trẻ thừa cân, béo phì</i> | 5 | | | 0 | 0 | 1 | 4 | 2 | | | 0 | 0 | 0 | 2 |
| VI | Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Chương trình giáo dục nhà trẻ | 104 | | | 104 | | | | 120 | | | 120 | | | |
| 2 | Chương trình giáo dục MG | 361 | | | | 115 | 108 | 138 | 313 | | | | 78 | 120 | 115 |

VI. THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non.

Ban lãnh đạo nhà trường tích cực chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo của cấp trên, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nâng cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, bố trí công việc phù hợp với năng lực sở trường, đánh giá lựa chọn, giáo viên có đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực sư phạm, nhiệt tình làm tổ trưởng tổ phó chuyên môn. Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá về thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ sổ sách giáo viên, hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn, chăm lo đời sống, vật chất tinh thần cho giáo viên.

- 100% GV, NV không vi phạm quy chế chuyên môn, không vi phạm đạo đức nhà giáo và đạo đức nghề nghiệp. Nhà trường triển khai tốt Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ chính trị đến CCVC trong các buổi họp hội đồng sư phạm, sinh hoạt chuyên môn, họp tổ khối. Giúp cho toàn thể VC, NLĐ đều có ý thức tự giác làm theo tấm gương của Bác bằng những việc làm cụ thể, mỗi CCVC đều có ý thức tự rèn luyện về tư cách, đạo đức, lối sống lành mạnh, thực hành tiết

kiệm chống tham ô lãng phí, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, giao tiếp lịch sự, thể hiện rõ tác phong sư phạm... phù hợp với nhiệm vụ của mỗi CCVC.

- 100% CBQL, GV thực hiện tốt việc bồi dưỡng thường xuyên theo Thông tư số 19/2019/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy chế bồi dưỡng thường xuyên GV, CBQL cơ sở GDMN, cơ sở giáo dục phổ thông và GV trung tâm giáo dục thường xuyên.

2. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, CDS; Công tác tuyên truyền về GDMN và tăng cường hợp tác quốc tế

2.1 Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số

Nhà trường chủ động đẩy mạnh ứng dụng CNTT nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em mầm non; đổi mới phương pháp dạy học, phát triển năng lực số của CBQL, GVMN, bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân trong toàn ngành.

- Bộ phận chuyên môn xây dựng, phát triển và khai thác kho học liệu số chia sẻ dùng chung thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em và các thông tin khác phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo.

- 100% giáo án được soạn bằng vi tính, giáo viên biết ứng dụng các phần mềm AI để phục vụ công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; tham gia sưu tầm tài liệu qua nhiều hình thức để làm dữ liệu nguồn phục vụ cho công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

- 100% số giáo viên biết ứng dụng mạng Internet để cập nhật thông tin ứng dụng cho công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Nhân viên sử dụng thành thạo công nghệ thông tin thuận tiện trong báo cáo, cập nhật thông tin kịp thời, khai thác phần mềm dinh dưỡng tính khẩu phần dinh dưỡng, nâng cao chất lượng bữa ăn.

2.2. Đẩy mạnh công tác truyền thông về GDMN và tăng cường hợp tác quốc tế

Nhà trường chủ động thông tin, truyền thông về các chủ trương, quy định, chính sách mới của ngành, địa phương, đặc biệt tuyên truyền về thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, chuẩn bị triển khai Chương trình GDMN mới, đổi mới Chương trình GDMN.

Nhà trường truyền thông về chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đa dạng các kênh Website, zalo, youtube, Facebook lồng ghép hình thức và phương tiện truyền thông phù hợp, có sức lan toà sâu rộng nhằm thúc đẩy công tác phối hợp giữa cơ sở GDMN với gia đình và đoàn thể, tổ chức xã hội ngoài cơ sở GDMN cùng chăm lo phát triển GDMN.

- Chủ động tham mưu với lãnh đạo phường để liên hệ với báo, đài phối hợp đưa tin về hoạt động nổi bật của nhà trường, giới thiệu các tấm gương nhà giáo điển hình tiên tiến trong dạy tốt, học tốt.

- Thường xuyên đăng tải, cập nhật chủ trương, chính sách và hoạt động về giáo dục và đào tạo của ngành, của nhà trường trên Website đảm bảo thông tin luôn kịp thời và được tuyên truyền rộng rãi. Quan tâm, theo dõi việc sử dụng mạng xã hội của công chức, viên chức, người lao động, phụ huynh học sinh để kịp thời định hướng đúng đắn trong việc đăng tải, chia sẻ thông tin. Khuyến khích viên chức, người lao động, phụ huynh học sinh đăng tải, chia sẻ các trang mạng chính thống, bài viết tích cực có nguồn gốc rõ ràng.

- Họp phụ huynh ở tại nhóm lớp, họp Ban đại diện CMTE vào đầu năm học, nội dung họp xoay quanh các vấn đề chăm sóc, giáo dục trẻ, các chuyên đề trọng tâm nhằm đưa ra biện pháp phù hợp nhất để phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong việc chăm sóc giáo dục trẻ.

- Những cách làm hay, giải pháp, sáng kiến thiết thực, các hoạt động nổi bật của nhà trường của lớp thông qua trang Website của nhà trường và các kênh mạng xã hội như zalo, facebook được nhiều lượt chia sẻ và lan tỏa đến nhiều người.

Trên đây là thông báo công khai năm học 2025-2026 theo Thông tư số 09/TT/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của trường Mầm non Nguyễn Úy.

Nơi nhận:

- CBGV, NV;
- Website của trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hiền

